

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 179/2022/DS-ST

Ngày: 19/9/2022

V/v: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến Nhi

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hồ Thị Kim Luyến

2. Ông Trần Ngọc Bích

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Diệp – Thư ký
Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều:* Ông Tô Văn Tông -
Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 304/2022/TLST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2022 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 721/2022/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị Thúy M** sinh năm: 1974

Địa chỉ: số 135 đường H, phường. A, quận. N, TP. C.

Đại diện theo ủy quyền: **Ông Võ Hồ Thế P** sinh năm: 1977 (có mặt)

Địa chỉ: số 73 đường số M KDC D, phường. P, quận. C, thành phố C.

- *Bị đơn:* **Ông Lưu Ái T** sinh năm: 1978

ĐKTT: số 149/24B đường H, phường. A, quận. N, thành phố C.

Tạm trú: số 106/1 đường T, phường B, quận B, TP. H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Hồ Thế P trình bày: Ngày 04/7/2020, ông Lưu Ái T có đến nhà bà M hỏi mượn số tiền 40.000.000 đồng để làm ăn, do chỗ quen biết bà có cho ông T mượn 40.000.000 đồng, khi nhận tiền ông T có viết biên nhận và ký tên nhận đủ tiền, ông T hứa đến ngày 04/8/2020 trả đủ.

Ngày 13/7/2020, ông T đến gặp bà M mượn thêm số tiền 120.000.000 đồng để mua bán nuôi gia đình, do số tiền mượn trước đó 40.000.000 đồng bổ sung không đủ vốn mua bán, thấy ông T gặp khó khăn nên bà giúp cho ông mượn thêm 120.000.000 đồng, khi nhận số tiền này ông T có làm biên nhận, ký nhận đủ số tiền và hứa đến ngày 04/8/2020 trả đủ 160.000.000 đồng cho cả hai lần mượn.

Đến ngày 04/8/2020, ông T không đến trả số tiền của 2 lần mượn nêu trên, bà đã nhiều lần yêu cầu ông T trả cho bà số tiền trên thì ông T hứa hẹn nhiều lần để trả nhưng đến nay vẫn không trả cho bà số tiền trên.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nghiêm trọng nên bằng đơn khởi kiện này, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết: Buộc ông Lưu Ái T trả cho bà M tổng số tiền gốc: 160.000.000 đồng và lãi tạm tính từ 04/08/2020 đến 04/6/2022 (22 tháng): $22 \text{ tháng} \times 160.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% = 29.216.000 \text{ đồng}$.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo hợp lệ đối với bị đơn ông Lưu Ái T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 04/8/2022 nhưng ông T đều vắng mặt không lý do, mặt khác đại diện nguyên đơn có yêu cầu không qua thủ tục hòa giải, đề nghị đưa vụ án ra xét xử nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

- *Đại diện nguyên đơn trình bày*: vẫn giữ yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền gốc: 160.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với phần nợ lãi, đại diện nguyên đơn thay đổi yêu cầu đối với thời gian tính lãi, cụ thể: yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày khởi kiện (ngày 02/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/9/2022) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ) với lãi suất 0.83%/tháng trên số tiền 160.000.000 đồng. Lãi tạm tính đến ngày 19/9/2022 là 4.736.000 đồng.

Bị đơn ông Lưu Ái T vắng mặt không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ. Bị đơn không tuân thủ theo giấy triệu tập của Tòa án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lưu Ái T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy M tổng số tiền: 164.736.500 đồng (*Trong đó: nợ gốc là: 160.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 19/9/2022 là 4.736.500 đồng*) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Thúy M và ông Lưu Ái T có thỏa thuận vay tiền theo các biên nhận mượn tiền. Quá trình thực hiện giao dịch, ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên bà Nguyễn Thị Thúy M có đơn khởi kiện, bị đơn cư trú tại quận Ninh Kiều nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2/ Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết, nguyên đơn có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm xuất cảnh đối với bị đơn. Sau khi tiến hành xác minh thông tin xuất nhập cảnh của ông Lưu Ái T, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/QĐ-TA ngày 18/8/2022 về việc cấm xuất cảnh đối với ông Lưu Ái T – ĐKTT: số 149/24B đường H, P. A, Q. N, thành phố C - Tạm trú: số 106/1 đường T, phường B, quận B, TP. H.

Bị đơn ông Lưu Ái T đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia các phiên tòa theo các địa chỉ trên nhưng ông đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

3/ Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tổng số nợ gốc 160.000.000 đồng.

Nhận thấy, theo Biên nhận mượn tiền ngày 04/7/2020 và ngày 13/7/2020 thể hiện ông Lưu Ái T mượn tiền của bà Nguyễn Thị Thúy M không thỏa thuận lãi và không thỏa thuận thời hạn trả nên xác định đây là Hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn khởi kiện và cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện. Cụ thể, theo Biên nhận mượn tiền ngày 04/7/2020 và Biên nhận mượn tiền ngày 13/7/2020 thể hiện nội dung ông Lưu Ái T có mượn tiền của bà Nguyễn Thị Thúy M số 40.000.000 đồng và 120.000.000 đồng. Tổng cộng là 160.000.000 đồng. Bên dưới góc bên phải biên nhận có chữ ký và ghi họ tên Lưu Ái T. Từ đó, cho thấy bà M đã cho ông T vay số tiền 160.000.000 đồng là có thật và phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho ông T tham gia hòa giải và tham gia các phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt nên Tòa án không có ý kiến gì của ông gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết theo quy định.

Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy: Sau khi ông T vay tiền của bà M, ông T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ theo thỏa thuận trong biên nhận, ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng là có căn cứ.

* *Về mức lãi suất và thời gian tính lãi:* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả theo quy định pháp luật (0.83%/tháng tương đương 9.96%/năm) và thời gian tính lãi từ ngày 02/6/2022 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm (19/9/2022), số tiền lãi là 4.736.500 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

Xét thấy, các đương sự xác lập giao dịch về việc vay mượn tiền và thực hiện giao dịch với nhau từ ngày 04/7/2020 và ngày 13/7/2020. Mặc dù, các đương sự thỏa thuận việc vay tiền, không thỏa thuận lãi trong biên nhận nhưng theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*. Nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất 9.96%/năm là phù hợp quy định Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với thời gian tính lãi đối với số tiền nợ gốc 160.000.000 đồng từ ngày 02/6/2022 (khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm (19/9/2022). Xét thấy, theo biên nhận mượn tiền không có thỏa thuận thời hạn trả nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày nguyên đơn có đơn khởi kiện với thời gian nêu trên là phù hợp. Như vậy:

Số tiền lãi đối với số tiền 160.000.000 đồng tính từ ngày 02/6/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (19/9/2022) là 03 tháng 17 ngày x 160.000.000 đồng x 0,83% = 4.736.500 đồng.

Từ những chứng cứ và phân tích trên cho thấy: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Nên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn tổng số tiền: 164.736.500 đồng (Trong đó: nợ gốc là: 160.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 19/9/2022 là 4.736.500 đồng) theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015.

- Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/QĐ-TA ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ về việc cấm xuất cảnh đối với bị đơn ông Lưu Ái T tiếp tục duy trì cho đến khi thi hành án xong.

** Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bị đơn ông Lưu Ái T phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên án phí giá ngạch bị đơn phải nộp là: 5% x 164.736.500 đồng = 8.236.000 đồng.

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do đó, quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều có sở sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 97, Điều 147, Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy M.

Buộc bị đơn ông Lưu Ái T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy M tổng số tiền: 164.736.500 đồng (Trong đó: nợ gốc là: 160.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 19/9/2022 là 4.736.500 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/QĐ-TA ngày 18/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ về việc cấm xuất cảnh đối với bị đơn ông Lưu Ái T tiếp tục duy trì cho đến khi thi hành án xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bị đơn ông Lưu Ái T phải chịu 8.236.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy M được nhận lại số tiền 4.730.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000697 ngày 23/6/2022 tại Chi Cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết*) để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP.Cần Thơ;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Ninh Kiều;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q.Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Yến Nhi